TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G L** **TỈNH H D**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2023.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G L - TỈNH H D

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **An Văn Khoái**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Bà Bùi Thị Thúy.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G L, tỉnh H D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G L *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G L, tỉnh H D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Thu H** - sinh năm 1981.
HKTT: Thôn Đ T, xã T K, huyện G L, tỉnh H D.
Nơi ở hiện nay: Số nhà 22, Khu 2, thị trấn N G, huyện N G, tỉnh H D.
Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D– sinh năm 1984.**
ĐKHKTT: Thôn Đ T, xã T K, huyện G L, tỉnh H D.
Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trương Thị

Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Dtự nguyện tìm hiểu, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T K vào ngày 24/02/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Dđi làm từ sáng sớm đến tối mới về, anh Dđi làm về thường xuyên vào quán nhậu, về nhà thì trong tình trạng say xỉn, đi làm không đưa tiền cho chị để cùng xây dựng kinh tế chung, đóng góp nuôi con. Đến năm 2019, vợ chồng muốn sinh cháu thứ 2 thì chị có nói với anh Dnếu muốn sinh cháu thì phải đóng

góp kinh tế nhưng anh Dđưa tiền cho chị được 2 tháng xong rồi anh Dkhông đưa tiền cho chị nữa. Khi sinh cháu thứ 2 là cháu L, chị cũng chỉ mong anh Dthay đổi nhưng ngày nào anh cũng rượu bia, đi làm về là chửi mắng vợ con. Đến tháng 5 năm 2023, vào buổi tối 3 mẹ con chị đang ngủ thì anh Dđi uống rượu, chửi mắng và đã đuổi chị và các con ra ngoài và buộc mẹ con chị về nhà ngoại lúc nửa đêm. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh Dcó đến gặp chị để khuyên chị quay về chung sống nhưng chị không đồng ý. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung: Chị và anh anh Dcó 02 con chung gồm: Nguyễn Thu H, sinh ngày 24/9/2014 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/02/2019. Hiện cả 2 cháu đang ở với chị và ông bà ngoại là ông Trương Văn Bản, sinh năm 1944 và bà Trần Thị Nhàn, sinh năm 1952, đều ở địa chỉ: Số nhà 22, khu 2, thị trấn N G, huyện N G, tỉnh H D. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả 2 con và không yêu cầu anh Dphải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty may xuất khẩu SSV cụm công nghiệp Hoàng Diệu, huyện G L, tỉnh H D. Mức thu nhập bình quân hàng tháng là 6.000.000đồng/tháng. Về chỗ ở đang ở ngôi nhà 01 tầng của bố mẹ chị, ngoài việc bố mẹ chị hỗ trợ chị chăm sóc cho 02 con của chị khi đi làm thì còn phải hỗ trợ trông 01 con của em trai chị.

Về quan hệ tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên hòa giải anh Nguyễn Văn Dtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn đúng lời trình bày của chị H . anh xác định vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị H muốn cho 2 con vào Nam sinh sống nhưng anh không đồng ý vì khi đó cháu H mới ốm xong, sức khỏe chưa ổn định. Anh đã đuổi mẹ con chị H ra khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh có đến nhà chị H để nói chuyện, thăm 2 con nhưng chị H nói 2 con đang đi chơi, chị H cũng không có ý định quay về chung sống với anh. Nay chị H làm đơn ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Về quan hệ con chung : Anh xác định vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Thu H, sinh ngày 24/9/2014 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/02/2019. Hiện cả 2 con đang ở với chị H , nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 2 con. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Anh muốn nuôi 2

con vì các cháu đã học tập ở xã T K, đã quen với cuộc sống ở đây. Hơn nữa, chị H cho 2 cháu đi chơi khi cháu đang ốm nên anh không yên tâm giao 2 cháu cho chị H nuôi dưỡng. Hiện anh đang là thợ xây làm công trình, thu nhập của anh hàng tháng là từ 6.000.000- 7.000.000đồng. Anh đang sống cùng đất của bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn Mua, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Mùi, sinh năm 1965. Bố mẹ anh hiện đang làm nông nghiệp, có thời gian để hỗ trợ anh chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Về quan hệ tài sản chung, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện G L đã tiến hãnh xác minh với đại diện UBND xã T K, Hội Liên hiệp phụ nữ xã T K xác định trong quá trình chung sống chị H và anh Dđã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thực tế đã ly thân nhau. Vì vậy chị H xin ly hôn, anh Dnhất trí ly hôn nên đề nghị Toà án nhân dân huyện G L công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Về quan hệ con chung chị H và anh Dcó 02 con chung, hai anh chị đều chưa có nhà và đất riêng đều đang ở cùng với bố mẹ đẻ. Cháu Nguyễn Thu H có nguyện vọng xin được ở với mẹ đề nghị Toà án giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn L cho anh Dnuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho các cháu để các cháu có điều kiện học hành, ăn ở tốt nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G L xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề xuất:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữ chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 24/9/2014 hiện đang ở với chị H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/02/2019 hiện đang ở với chị H cho anh Dtrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

- Về án phí: Chị Trương Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Dkết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T K ngày 24/02/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính nết không hợp nhau, anh Dhay tụ tập bạn bè không thường xuyên quan tâm, chia sẻ, gánh vác công việc với chị H , không hỗ trợ về kinh tế nhiều để chị H chăm sóc các con. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 05 năm2023 không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Dđã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh Dđồng ý ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho chị H và anh Dtheo Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị H và anh Dcó 02 con chung gồm: Nguyễn Thu H, sinh ngày 24/9/2014 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/02/2019, hiện tại đang ở với chị H . Xét về điều kiện nuôi dưỡng các con là như nhau, cả hai anh chị đều chưa có nhà, đất riêng, anh Dvà chị H đều đang ở cùng với bố mẹ đẻ. Chị H làm công nhân nhưng mức thu nhập bình quân một tháng chỉ được 6.000.000đ/tháng, chỗ ở chỉ nhà cấp 04 một tầng ngoài chị và 02 con còn có bố mẹ chị và cháu con em trai chị sinh sống. Bố chị đã già yếu việc chăm sóc 02 con của chị và 01 con của em trai chị là không đảm bảo. Anh Dđang ở với bố mẹ, bố mẹ anh làm nông nghiệp có điều kiện giúp anh chăm sóc cho con. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích cho các cháu H, và cháu L cần giao cho chị H và anh Dmỗi người nuôi một cháu. Cháu H đã trên 07 tuổi có nguyện vọng xin ở với chị H , cháu là con gái đôi khi cũng cần có những tâm sự riêng tư mà chỉ có chị H mới chia sẻ, giúp đỡ…Do vậy cần giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu L giao cho anh Dnuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị Thu H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 24/9/2014 hiện đang ở với chị H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/02/2019 hiện đang ở với chị H cho anh Dtrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Dđược quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **AA/2020/0000968** ngày 23/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G L, tỉnh H D.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện G L;
- Chi cục THÁ dân sự huyện G L;
- UBND xã T K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái